



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 từ trang 5 đến trang 29 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Ninh Viết Định	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phạm Văn Nhật và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *ku*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Số: 55/2013/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25/03/2013, trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		348.935.666.995	285.686.266.166
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	198.959.975.782	30.995.694.710
Tiền	111		4.166.906.431	3.195.694.710
Các khoản tương đương tiền	112		194.793.069.351	27.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	39.429.314.572	44.318.141.795
Đầu tư ngắn hạn	121		39.429.314.572	44.318.141.795
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.008.439.435	203.871.504.128
Phải thu khách hàng	131		83.794.159.522	191.544.010.713
Trả trước cho người bán	132		213.995.150	2.077.675.000
Các khoản phải thu khác	135	6	21.392.983.618	10.642.517.270
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(392.698.855)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		5.138.094.645	5.966.138.974
Hàng tồn kho	141	7	5.138.094.645	5.966.138.974
Tài sản ngắn hạn khác	150		399.842.561	534.786.559
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.992.561	160.992.559
Tài sản ngắn hạn khác	158		238.850.000	373.794.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		965.846.862.497	1.035.882.829.022
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		666.695.194.369	796.033.157.722
Tài sản cố định hữu hình	221	8	657.215.174.219	784.579.283.511
- Nguyên giá	222		1.966.021.765.136	1.964.912.875.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.308.806.590.917)	(1.180.333.591.625)
Tài sản cố định vô hình	227	9	9.480.020.150	9.742.944.818
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(589.544.610)	(326.619.942)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.710.929.393
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	299.151.668.128	239.849.671.300
Đầu tư vào công ty con	251		134.493.668.128	39.017.671.300
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.600.000.000	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		162.058.000.000	198.432.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.314.782.529.492	1.321.569.095.188

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		423.067.391.008	511.353.022.565
Nợ ngắn hạn	310		162.825.142.562	173.486.774.119
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	77.624.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		11.189.879.457	11.068.102.348
Người mua trả tiền trước	313		923.468.000	717.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	36.979.732.520	49.969.599.856
Phải trả người lao động	315		14.950.597.630	9.184.905.704
Chi phí phải trả	316	13	10.602.511.689	15.894.536.281
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	5.951.477.016	6.235.121.280
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.603.476.250	2.793.508.650
Nợ dài hạn	330		260.242.248.446	337.866.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	15	260.242.248.446	337.866.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		891.715.138.484	810.216.072.623
Vốn chủ sở hữu	410	16	891.715.138.484	810.216.072.623
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.905.440.607	4.796.550.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		25.912.186.123	17.587.513.756
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.074.246.893	13.350.154.189
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		142.823.264.861	74.481.854.071
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.314.782.529.492	1.321.569.095.188

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	475.999.082.264	374.293.380.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		475.999.082.264	374.293.380.995
Giá vốn hàng bán	11	18	222.144.319.603	195.408.348.711
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		253.854.762.661	178.885.032.284
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	10.813.632.320	9.577.957.149
Chi phí tài chính	22	20	57.992.394.432	74.294.224.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		57.941.346.432	74.294.224.552
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.314.630.015	15.380.435.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		189.361.370.534	98.788.328.890
Thu nhập khác	31	21	9.596.956.359	3.246.855.620
Chi phí khác	32	22	8.457.381.608	2.714.712.415
Lợi nhuận khác	40		1.139.574.751	532.143.205
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		190.500.945.285	99.320.472.095
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	47.677.680.424	24.838.618.024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142.823.264.861	74.481.854.071
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.040	1.064

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		190.500.945.285	99.320.472.095
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		128.735.923.960	129.159.137.922
- Các khoản dự phòng	3		-	392.698.855
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(11.700.814.212)	(9.721.204.731)
- Chi phí lãi vay	6		57.941.346.432	74.294.224.552
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		365.477.401.465	293.445.328.693
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		100.450.793.227	(154.947.305.406)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		828.044.329	(856.502.011)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		5.065.989.618	31.621.775.866
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2)	(8.944.030)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(63.233.371.024)	(73.372.421.751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(58.213.209.813)	(4.584.761.122)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	861.266.924
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.336.098.104)	(4.012.006.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		349.039.549.696	88.146.430.580
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.108.890.000)	(3.021.378.709)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		278.181.818	707.300.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.710.000.000)	(54.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.400.000.000	130.201.963.804
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(62.101.996.828)	(19.877.937.800)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.109.799.786	7.736.264.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.132.905.224)	61.246.211.892
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.624.000.000)	(77.624.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(55.318.363.400)	(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(132.942.363.400)	(119.624.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		167.964.281.072	29.768.642.472
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.995.694.710	1.227.052.238
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	198.959.975.782	30.995.694.710

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ; đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính này của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là Các Công ty con, công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	987.636.793	1.028.522.660
Tiền gửi ngân hàng	3.179.269.638	2.167.172.050
Các khoản tương đương tiền (*)	194.793.069.351	27.800.000.000
Cộng	198.959.975.782	30.995.694.710

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng	32.628.141.795	36.318.141.795
Cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa vay	3.000.000.000	8.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay	3.801.172.777	-
Cộng	39.429.314.572	44.318.141.795

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	9.788.946.802	8.713.577.337
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	545.525.086	1.841.692.552
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.748.952.000	-
Phải thu khác	309.559.730	87.247.381
Cộng	21.392.983.618	10.642.517.270

(*) Xem tại thuyết minh số 10.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.640.858.470	3.754.204.050
Công cụ, dụng cụ	545.233.987	324.342.434
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	952.002.188	1.887.592.490
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	5.138.094.645	5.966.138.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2012	1.242.435.277.754	597.751.383.753	114.901.676.652	9.824.536.977	1.964.912.875.136
- Mua trong năm	-	183.700.000	-	925.190.000	1.108.890.000
Tại 31/12/2012	1.242.435.277.754	597.935.083.753	114.901.676.652	10.749.726.977	1.966.021.765.136
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2012	645.913.294.892	448.230.373.910	77.079.824.309	9.110.098.514	1.180.333.591.625
- Khấu hao trong năm	42.771.945.696	73.862.559.105	11.596.424.211	242.070.280	128.472.999.292
Tại 31/12/2012	688.685.240.588	522.092.933.015	88.676.248.520	9.352.168.794	1.308.806.590.917
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	596.521.982.862	149.521.009.843	37.821.852.343	714.438.463	784.579.283.511
Tại 31/12/2012	553.750.037.166	75.842.150.738	26.225.428.132	1.397.558.183	657.215.174.219

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

328.607.587.110 đồng

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

16.402.935.556 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 31/12/2012, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 415.413.282 đồng, giá trị còn lại là 5.387.933.903 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 31/12/2012, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 174.131.328 đồng, giá trị còn lại là 4.092.086.247 đồng.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012			Tại 01/01/2012		
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con	3.315.507		134.493.668.128	2.700.000		39.017.671.300
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	3.315.507	99,65	86.220.968.128	2.700.000	100	39.017.671.300
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa		60,7	48.272.700.000			-
Đầu tư vào Công ty liên kết	260.000		2.600.000.000	240.000		2.400.000.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	260.000	20	2.600.000.000	240.000	20	2.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	13.610.000		162.058.000.000	13.610.000		198.432.000.000
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	110.000	10	1.100.000.000	110.000	10	1.100.000.000
Công ty CP Thủy điện Sêsan 4			9.978.000.000			9.978.000.000
Công ty CP Thủy điện Sêrêpok (*)			-			10.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa			-			26.974.000.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ			1.400.000.000			-
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3	149.580.000.000	13.500.000	3	149.580.000.000
Cộng	17.185.507		299.151.668.128	16.550.000		239.849.671.300

(*): Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpok ngày 14/11/2012, Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpok và hoàn trả vốn góp cho các cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpok được trình bày thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2012.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	77.624.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	42.624.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	35.000.000.000	35.000.000.000

(*) Xem tại phần Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	1.707.024.455	11.630.012.432
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.469.326.865	24.904.923.448
Thuế thu nhập cá nhân	78.284.350	49.788.382
Thuế tài nguyên	1.791.293.790	864.782.554
Các loại thuế khác (*)	18.933.803.060	12.520.093.040
Cộng	36.979.732.520	49.969.599.856

(*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.786.261.690	6.407.591.837
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	6.816.249.999	9.486.944.444
Cộng	10.602.511.689	15.894.536.281

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.220.060	78.321.658
Phải trả cổ tức cho cổ đông	5.048.794.412	4.367.157.812
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản phải trả khác	725.462.544	1.677.641.810
Cộng	5.951.477.016	6.235.121.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	260.242.248.446	337.866.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	85.242.248.446	127.866.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	175.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	260.242.248.446	337.866.248.446

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ 2011 đến 2015 Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm.
- (2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009. Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2012	
	Cổ phiếu	VND
Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	36.341.500	363.415.000.000
Công ty tài chính cổ phần điện lực	16.109.210	161.092.100.000
Công ty cổ phần cơ điện lạnh	8.723.020	87.230.200.000
Cổ đông khác	8.826.270	88.262.700.000
Cộng	70.000.000	700.000.000.000

16.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành, góp vốn đầy đủ	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại 01/01/2011	700.000.000.000		-		12.057.749.614		12.197.387.119		56.343.736.819		780.598.873.552	
Lợi nhuận tăng trong năm	-		-		-		-		74.481.854.071		74.481.854.071	
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-		-		10.326.314.749		1.152.767.070		(11.479.081.819)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(2.864.655.000)		(2.864.655.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010	-		-		-		-		(42.000.000.000)		(42.000.000.000)	
Chuyển nguồn vốn	-		4.796.550.607		(4.796.550.607)		-		-		-	
Tại 31/12/2011	700.000.000.000		4.796.550.607		17.587.513.756		13.350.154.189		74.481.854.071		810.216.072.623	
Tại 01/01/2012	700.000.000.000		4.796.550.607		17.587.513.756		13.350.154.189		74.481.854.071		810.216.072.623	
Lãi trong năm	-		-		-		-		142.823.264.861		142.823.264.861	
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-		-		9.433.562.367		3.724.092.704		(13.157.655.071)		-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(5.324.199.000)		(5.324.199.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 (*)	-		-		-		-		(56.000.000.000)		(56.000.000.000)	
Chuyển nguồn vốn (**)	-		1.108.890.000		(1.108.890.000)		-		-		-	
Tại 31/12/2012	700.000.000.000		5.905.440.607		25.912.186.123		17.074.246.893		142.823.264.861		891.715.138.484	

(*) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 10/05/2012 quyết định chia cổ tức năm 2011 là 8% tính trên mệnh giá cổ phần.

(**) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với việc mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.4 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	25.912.186.123	17.587.513.756
Quỹ dự phòng tài chính	17.074.246.893	13.350.154.189
Vốn khác thuộc chủ sở hữu	5.905.440.607	4.796.550.607

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	475.999.082.264	374.293.380.995
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện	467.584.211.464	371.310.763.908
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.414.870.800	2.982.617.087

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	215.613.233.530	193.301.596.613
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.531.086.073	2.106.752.098
Cộng	222.144.319.603	195.408.348.711

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.593.632.320	9.379.957.149
Cổ tức, lợi nhuận được chia	220.000.000	198.000.000
Cộng	10.813.632.320	9.577.957.149

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	57.941.346.432	74.294.224.552
Lỗ từ đầu tư tài chính dài hạn	51.048.000	-
Cộng	57.992.394.432	74.294.224.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản, thiết bị, vật tư	278.181.818	707.300.000
Doanh thu chuyển nhượng nhà máy nước OBF	8.910.157.070	-
Khác	408.617.471	2.539.555.620
Cộng	9.596.956.359	3.246.855.620

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản, thiết bị, vật tư	214.202.298	564.052.418
Chi phí dự án Nhà máy nước OBF	8.035.906.698	-
Khác	207.272.612	2.150.659.997
Cộng	8.457.381.608	2.714.712.415

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	190.500.945.285	99.320.472.095
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	209.776.412	34.000.000
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	429.776.412	232.000.000
+ Thu nhập không chịu thuế	220.000.000	(198.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	190.710.721.697	99.354.472.095
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	47.677.680.424	24.838.618.024
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	47.677.680.424	24.838.618.024

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	142.823.264.861	74.481.854.071
Số điều chỉnh giảm	-	-
Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	142.823.264.861	74.481.854.071
Số cổ phiếu bình quân	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.040	1.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Vật Liệu	4.084.326.788	2.168.877.414
2. Lương và bảo hiểm xã hội	26.475.251.185	20.827.916.912
- Lương CNV	25.149.478.000	19.931.997.000
- BHXH, BHYT, KPCD, BHTN	1.325.773.185	895.919.912
3. Khấu hao TSCĐ	128.735.923.960	129.159.137.922
4. Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.669.823.038	5.152.927.448
- Điện dùng nội bộ	84.735.435	86.083.694
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.585.087.603	5.066.843.754
5. Chi phí sửa chữa lớn	19.992.510.556	17.400.781.466
- Sửa chữa lớn thuê ngoài	16.072.903.200	9.224.714.306
- Sửa chữa lớn tự làm	3.919.607.356	8.176.067.160
6. Chi phí bằng tiền khác	50.970.028.018	33.972.391.442
- Thuế tài nguyên	25.404.334.541	15.408.260.770
- Phí môi trường rừng	18.933.803.060	12.520.093.040
- Thuế đất	41.301.000	56.118.099
- Ăn ca	1.025.619.000	889.398.000
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	91.326.084	25.222.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	392.698.855
- Chi phí bằng tiền khác	5.473.644.333	4.680.600.678
Cộng từ 1 đến 6	232.927.863.545	208.682.032.604
Chi phí lãi vay	57.941.346.432	74.294.224.552
Cộng	290.869.209.977	282.976.257.156

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	469.629.636.234	371.476.397.379
- Doanh thu bán hàng với Công ty mua bán điện	467.512.993.495	371.233.278.729
- Doanh thu thí nghiệm điện cho Công ty CP Thủy Điện Đăcrosa	243.628.850	243.118.650
- Doanh thu tài chính với Công ty CP Thủy điện Đăcrosa	1.873.013.889	-
Chi phí với các bên liên quan	57.941.346.432	74.294.224.552
- Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	23.432.542.266	30.540.068.303
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	34.508.804.166	43.754.156.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu	80.180.750.163	189.826.733.450
- Công ty mua bán điện	79.245.014.024	189.559.302.935
- Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	935.736.139	267.430.515
Các khoản phải trả	112.000.000	1.196.654.364
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	1.084.654.364
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam - EVN Telecom	-	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản vay	337.866.248.446	415.490.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	127.866.248.446	170.490.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	210.000.000.000	245.000.000.000
Chi phí phải trả	10.602.511.689	15.894.536.281
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	3.786.261.690	6.407.591.837
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	6.816.249.999	9.486.944.444

27. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	288.000.000	478.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	157.200.000	157.200.000
Cộng	445.200.000	635.200.000

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2012

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
			Cộng
	467.584.211.464	8.414.870.800	475.999.082.264
	467.584.211.464	8.414.870.800	475.999.082.264
	215.613.233.530	6.531.086.073	222.144.319.603
	251.970.977.934	1.883.784.727	253.854.762.661
			(17.314.630.015)
			236.540.132.646
			10.813.632.320
			(57.992.394.432)
			9.596.956.359
			(8.457.381.608)
			(47.677.680.424)
			-
			142.823.264.861
	-	-	-
	128.735.923.960	-	128.735.923.960
	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)

Năm 2011

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
371.310.763.908	2.982.617.087	Cộng
371.310.763.908	2.982.617.087	374.293.380.995
193.301.596.613	2.106.752.098	374.293.380.995
178.009.167.295	875.864.989	195.408.348.711
		178.885.032.284
		(15.380.435.991)
		163.504.596.293
		9.577.957.149
		(74.294.224.552)
		3.246.855.620
		(2.714.712.415)
		(24.838.618.024)
		-
		74.481.854.071
-	-	-
129.159.137.922	-	129.159.137.922
-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	198.959.975.782	30.995.694.710
Đầu tư ngắn hạn	39.429.314.572	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	83.401.460.667	191.151.311.858
Các khoản phải thu khác	21.392.983.618	10.642.517.270
Cộng	343.183.734.639	277.107.665.633
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	11.189.879.457	11.068.102.348
Vay và nợ	337.866.248.446	415.490.248.446
Chi phí phải trả	10.602.511.689	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	5.951.477.016	6.235.121.280
Cộng	365.610.116.608	448.688.008.355

TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.189.879.457	-	-	11.189.879.457
Vay và nợ	77.624.000.000	225.242.248.446	35.000.000.000	337.866.248.446
Chi phí phải trả	10.602.511.689	-	-	10.602.511.689
Các khoản phải trả khác	5.951.477.016	-	-	5.951.477.016
Cộng	105.367.868.162	225.242.248.446	35.000.000.000	365.610.116.608
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.068.102.348	-	-	11.068.102.348
Vay và nợ	77.624.000.000	267.866.248.446	70.000.000.000	415.490.248.446
Chi phí phải trả	15.894.536.281	-	-	15.894.536.281
Các khoản phải trả khác	6.235.121.280	-	-	6.235.121.280
Cộng	110.821.759.909	267.866.248.446	70.000.000.000	448.688.008.355

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 31/12/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	198.959.975.782	-	-	198.959.975.782
Đầu tư ngắn hạn	39.429.314.572	-	-	39.429.314.572
Phải thu khách hàng	83.401.460.667	-	-	83.401.460.667
Các khoản phải thu khác	21.392.983.618	-	-	21.392.983.618
Cộng	343.183.734.639	-	-	343.183.734.639
Tại 01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	30.995.694.710	-	-	30.995.694.710
Đầu tư ngắn hạn	44.318.141.795	-	-	44.318.141.795
Phải thu khách hàng	191.151.311.858	-	-	191.151.311.858
Các khoản phải thu khác	10.642.517.270	-	-	10.642.517.270
Cộng	277.107.665.633	-	-	277.107.665.633

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Phú



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán - Thuế - Tài chính doanh nghiệp - Đào tạo

Tổng số chính
Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt
Hà Nội, Việt Nam
Phone: +844 3755 7446
Fax: +844 3755 7448
Thành viên hàng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh
46 Trương Quyền
Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Phone: +848 3820 4899
Fax: +848 3820 4909
www.uhyvietnam.com.vn